

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/KDTM-ST
Ngày: 26 - 8 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng cho
thuê tài chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Thiện
- Bà Nguyễn Thị Túy Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 90/2023/TLST-KDTM ngày 13 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty C3; trụ sở: Tầng B, Saigon Trade C, C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Nguyễn Nhật L – nhân viên; địa chỉ liên hệ: Tầng I, Saigon Trade C, C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản uỷ quyền ngày 24/5/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên N; địa chỉ: Số A, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình C1 – Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đình C1, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Số A khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Đỗ Nguyễn Nhật L** trình bày:

Do **Công Ty TNHH Một Thành Viên N** có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị **Công ty C3** tài trợ tài chính nên vào ngày 17/11/2020 hai bên đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B201124703 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng thuê”). Theo đó, tài sản mà **Công Ty TNHH Một Thành Viên N** có nhu cầu thuê tài chính là một (01) máy đào bánh xích, nhãn hiệu: HITACHI, số loại: EX200-1, biển số/số khung: 14539232 (sau đây gọi tắt là “Tài sản thuê”).

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bên thuê trong Hợp đồng thuê, ngày 18/11/2020 **Công ty C3** có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của ông **Nguyễn Đình C1**. Theo đó, trường hợp **Công Ty TNHH Một Thành Viên N** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo các Hợp đồng thuê, ông **Nguyễn Đình C1** cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho **Công Ty TNHH Một Thành Viên N**.

Để thực hiện Hợp đồng thuê, ngày 18/11/2020, **Công ty C3** đã ký Hợp đồng mua bán số B201124703-PC với **Công Ty TNHH Một Thành Viên T1** để mua Tài sản thuê nêu trên và cho **Công Ty TNHH Một Thành Viên N** thuê lại tài sản này. Ngày 25/11/2020, **Công Ty TNHH Một Thành Viên N** đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản để xác nhận về việc đã nhận bàn giao tài sản.

Tổng giá trị của Tài sản thuê là 1.000.000.000 đồng. Trong đó, **Công Ty TNHH Một Thành Viên N** trả trước 200.000.000 đồng (“Tiền trả trước”), **Công ty C3** tài trợ vốn là 800.000.000 đồng (“Giá trị thuê”).

Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 36 tháng, kể từ ngày 25/11/2020 đến ngày 25/11/2023.

Lãi suất thuê là lãi suất cố định 17,00%/năm.

Hàng tháng, **Công Ty TNHH Một Thành Viên N** phải thanh toán cho **Công ty C3** tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà **Công ty C3** đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi **Công Ty TNHH Một Thành Viên N** trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, **Công ty C3** vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với tài sản thuê.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, **Công Ty TNHH Một Thành Viên N** thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù **Công ty C3** đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với **Công Ty TNHH Một Thành Viên N** để yêu cầu thanh toán nhưng không thành nên ngày 21/04/2023, **Công ty C3** đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, yêu cầu **Công Ty TNHH Một Thành Viên N** thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê

tính đến ngày 25/04/2023 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 337.499.548 đồng.

Kể từ đó đến nay, Công Ty TNHH Một Thành Viên N không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cũng như không bàn giao tài sản thuê cho Công ty C3.

Ngày 12/05/2023, Công ty C3 đã phát hành T yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê để yêu cầu ông Nguyễn Đình C1 thanh toán theo nội dung Thư bảo lãnh cá nhân đã ký nhưng đến nay ông Nguyễn Đình C1 vẫn chưa thanh toán.

Do đó, Công ty C3 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

Buộc Công ty TNHH Một thành viên N phải thanh toán tiền thuê tài sản còn nợ cho Công ty C3 tạm tính đến ngày 26/8/2024 là 315.859.369 đồng theo Hợp đồng thuê tài chính số B201124703 ngày 17/11/2020, trong đó: Nợ gốc: 188.635.041 đồng; nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê 25/4/2023: 48.864.507 đồng; nợ lãi chậm thanh toán tính từ ngày 26/4/2023 đến ngày 26/8/2024: 78.359.821 đồng.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên N phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán phát sinh đối với số nợ còn lại cho Công ty C3 theo mức lãi suất chậm trả thỏa Hợp đồng thuê tài chính số B201124703 ngày 17/11/2020 kể từ ngày 27/8/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên N phải giao trả tài sản thuê là 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu HITACHI, số loại EX200-1, biển số /số khung 14539232 cho Công ty C3.

Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên N không thanh toán tiền nợ thì buộc ông Nguyễn Đình C1 phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ và tiền lãi phát sinh cho Công ty C3 theo Thư bảo lãnh ngày 18/11/2020.

Nay nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH Một thành viên N phải giao trả tài sản thuê là 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu HITACHI, số loại EX200-1, biển số /số khung 14539232 cho Công ty C3, đồng thời khấu trừ số tiền ký cược 100.000.000 đồng vào tiền nợ gốc cần phải thanh toán, cụ thể như sau:

Buộc Công ty TNHH Một Thành Viên N thanh toán cho Công ty C3 số tiền thuê mà Công Ty TNHH Một Thành Viên N còn nợ tạm tính đến ngày 26/8/2024 là 315.859.369 đồng theo Hợp đồng thuê tài chính số B201124703 ngày 17/11/2020 và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 27/8/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê.

Trường hợp Công ty TNHH Một Thành Viên N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền nêu trên thì buộc ông Nguyễn Đình C1 có trách

nhiệm thanh toán cho Công ty C3 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng cho thuê tài chính số B201124703 ngày 17/11/2020; Thư bảo lãnh cá nhân ngày 18/11/2022 của ông Nguyễn Đình C1; Hợp đồng mua bán số B201124703-PC ngày 18/11/2020; Hợp đồng bắt đầu thuê ngày 26/11/2020; Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản ngày 25/11/2020; Thông báo về việc chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê ngày 21/4/2023; thư yêu cầu thanh toán; bảng kê các chi phí phải thu.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không đến làm việc cũng như không ủy quyền cho ai đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An trình bày:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật do đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Công ty C3 (sau đây gọi tắt là Công ty C3) khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên N (sau đây gọi tắt là Công ty N) về việc trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho thuê tài chính. C2 tu Nam Duy H có trụ sở tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại Khoản 1 Điều 30; Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đã trình bày trong quá trình

tổ tụng; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn: Ngày 17/11/2020 Công ty C3 và Công ty N có ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B201124703, tài sản thuê là một (01) máy đào bánh xích, nhãn hiệu: HITACHI, số loại: EX200-1, biển số/số khung: 14539232. Để thực hiện Hợp đồng thuê, ngày 18/11/2020, Công ty C3 đã ký Hợp đồng mua bán số B201124703-PC với Công Ty TNHH Một Thành Viên T1 để mua Tài sản thuê nêu trên và cho Công Ty TNHH Một Thành Viên N thuê lại tài sản này. Tổng giá trị của Tài sản thuê là 1.000.000.000 đồng. Trong đó, Công Ty TNHH Một Thành Viên N trả trước 200.000.000 đồng (“Tiền trả trước”), Công ty C3 tài trợ vốn là 800.000.000 đồng (“Giá trị thuê”). Thời hạn thuê tài chính là 36 tháng, kể từ ngày 25/11/2020 đến ngày 25/11/2023. Ngày 25/11/2020, Công Ty TNHH Một Thành Viên N đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản để xác nhận về việc đã nhận bàn giao tài sản và được Công ty N ký xác nhận tài sản thuê phù hợp với các thông số kỹ thuật và theo yêu cầu của bên nhận.

Như vậy, Công ty N đã nhận tài sản thuê từ ngày 25/11/2020, nhưng lại không thanh toán tiền theo đúng thỏa thuận của hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 21/04/2023. Do đó, Công ty C3 đã gửi thông báo về việc chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản, đồng thời gửi thư yêu cầu người bảo lãnh là Nguyễn Đình C1 thanh toán tiền thuê nhưng đến nay chưa được thanh toán. Do Công ty N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty C3 căn cứ vào Điều 26 của Hợp đồng thuê khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc 188.635.041 đồng sau khi đã trừ 100.000.000 đồng tiền ký cược là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn căn cứ vào Điều 6 của hợp đồng cho thuê tài chính để yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi; cụ thể: Lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê với lãi suất 17%/năm (ngày 25/4/2023) là 48.864.507 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 25/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/8/2024 với lãi suất 17%/năm x 150% số tiền 78.359.821 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 26 mục 3.1 của hợp đồng cho thuê tài chính nên được chấp nhận.

[3.3] Về nghĩa vụ bảo lãnh của ông Nguyễn Đình C1 đối với nghĩa vụ trả tiền của Công ty N: Xét thấy, tại thư bảo lãnh có nội dung “... bằng thư này, bên bảo lãnh đồng ý rằng, trong trường hợp bên thuê không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo hợp đồng thuê vì bất cứ lý do gì, Bên bảo lãnh phải thực hiện (các) nghĩa vụ này theo yêu cầu lần đầu bằng văn bản của bên cho thuê mà bên cho thuê không cần phải thu hồi và xử lý tài sản thuê theo hợp đồng thuê và

cũng không phải xuất trình bất kỳ một tài liệu hoặc bằng chứng nào cho bên bảo lãnh...”

Ngày 12/5/2023, Công ty C3 đã gửi thư yêu cầu ông Nguyễn Đình C1 là những người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nhưng đến nay Công ty C3 vẫn chưa thu hồi được khoản tiền nào. Do đó, căn cứ vào thỏa thuận của thư bảo lãnh cá nhân, Công ty C3 yêu cầu trong trường hợp Công ty N không thanh toán đầy đủ khoản tiền nợ gốc và lãi thì buộc người bảo lãnh là ông Nguyễn Đình C1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C3 số tiền mà Công ty N còn nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 335; Điều 342 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản cho thuê tài chính, do Công ty C3 rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử đình chỉ, không xem xét trong vụ án này.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty C3.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 235; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 335; Điều 342; Điều 351 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của Công ty C3 và Công ty cho thuê tài chính;

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C3 về việc: Buộc Công ty TNHH Một thành viên N phải giao trả tài sản thuê là 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu HITACHI, số loại EX200-1, biển số /số khung 14539232 cho Công ty C3.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C3 đối với bị đơn Công ty TNHH Một thành viên N về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”.

2.1. Buộc Công ty TNHH Một thành viên N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C3 số tiền 315.859.369 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc là 188.635.041 đồng; nợ lãi trong hạn là 48.864.507 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 26/8/2024: 78.359.821 đồng.

2.2. Buộc Công ty TNHH Một thành viên N phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán phát sinh đối với số nợ còn lại cho Công ty C3 theo mức lãi suất chậm trả thỏa Hợp đồng thuê tài chính số B201124703 ngày 17/11/2020 kể từ ngày 27/8/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2.3. Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên N không thực hiện việc thanh toán hết số nợ (theo mục 1.1 nêu trên) cho Công ty C3 thì ông Nguyễn Đình C1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C3 số tiền Công ty TNHH Một thành viên N còn phải thanh toán cho Công ty C3.

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Một thành viên N phải chịu 15.792.968 đồng.

Hoàn trả cho Công ty C3 số tiền 8.437.489 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000889 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

4. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Dương; **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục thads thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);

- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Tố Uyên